TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 320/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phan Nhật H,** sinh năm 1990,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan (xuất cảnh sau khi vụ án được thụ lý).

Người được anh H ủy quyền giao, nhận văn bản tố tụng: anh **Đỗ Minh T,** sinh năm 1995; ĐKHKTT: Khu T, thị trấn M, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Địa chỉ liên hệ: số D T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị **Đặng Thị H1,** sinh năm 1991,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Tăng Thị N**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị H1 và bà N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Nhật H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/2009 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị H1 chuyển về nhà anh tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương để sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9/2017, chị H1 cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) để phát triển kinh tế, sau đó năm 2018 anh cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Nhưng qua Đài Loan, cả hai vợ chồng không cư trú cùng nhau, mỗi người ở một nơi nên do khoảng cách xa nên vợ chồng không được gần gũi, quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Tháng 10/2023, chị H1 chuyển sang làm việc tại Hàn Quốc, mỗi người ở một quốc gia khác nhau dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu nên tình cảm không thể hàn gắn được. Anh và chị H1 đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình cũng tạo điều kiện để vợ chồng hoà hợp lại nhưng không có kết quả. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H1 để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh và chị H1 có 02 con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009 hiện nay cháu đang sinh sống cùng gia đình anh cùng với ông bà nội. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung anh và chị H1 tự thỏa thuận. Trong thời gian chị H1 ở nước ngoài, tạm giao cả 02 cháu cho mẹ đẻ anh (bà nội của 02 cháu) là bà Tăng Thị N thay chị H1 chăm sóc con chung đến khi chị H1 về nước.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị H1. Ông Đặng Hồng L (là bố đẻ của chị H1) trình bày: Chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình ông qua điện thoại. Tuy nhiên, ông không biết địa chỉ cụ thể của chị H1 ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhiều lần. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H1 biết. Chị H1 đã biết việc anh H yêu cầu giải quyết ly hôn và chị có thông báo cho ông biết quan điểm

của chị là, do vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của anh H; Về con chung, chị H1 cũng xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009, để đảm bảo bảo quyền lợi tốt nhất cho 2 cháu nên chị H1 có quan điểm đề nghị giao cả 02 con chung cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, chị H1 và anh H tự thỏa thuận được với nhau trên cơ sở đảm bảo đầy đủ quyền lợi của con nên chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Trong thời gian chị H1 ở nước ngoài, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 2 cháu nên chị tạm thời giao cả 2 cháu cho bà nội là bà Tăng Thị N thay chị nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước. Về tài sản chung: chị H1 không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Tăng Thị N (là mẹ đẻ của anh Phan Nhật H, là bà nội của cháu Phan Đặng Trâm A và Phan Nhật Minh H2) trình bày: Anh H và chị H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã H. Sau khi kết hôn chị H1 chuyển về nhà bà sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Năm 2017 thì chị H1 đi xuất khẩu lao động Đài Loan, 1 năm sau anh H cũng sang Đài Loan nên vợ chồng xa cách còn có mâu thuẫn gì không thì bà không nắm được. Gia đình hai bên đã khuyên bảo, động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Nay anh H có đơn xin ly hôn, nếu vợ chồng không ở được với nhau nữa thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H và chị H1 có 02 con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh năm 2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh năm 2009 hiện nay cháu đang sinh sống cùng gia đình bà cùng với ông bà nội. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho cho chị H1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, chị H1 cũng có quan điểm nhận nuôi cả hai con và đề nghị tạm giao cả 02 cháu cho bà thay chị H1 chăm sóc con chung đến khi chị H1 về nước thì bà đồng ý thay chị H1 chăm sóc 02 cháu đến khi chị H1 về nước đón các con. Còn nếu chị H1 không đón thì bà vẫn tiếp tục nuôi các cháu cho đến khi trưởng thành.

Quan điểm của con chung:

Cháu Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009 trình bày: hiện nay bố mẹ con vì mâu thuẫn, không còn ở chung được với nhau nữa nên khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Trong thời gian mẹ H1 ở nước ngoài, cháu có nguyện vọng được ở cùng bà nội là bà Tăng Thị N tại Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn chị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý

do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Phan Nhật H ly hôn chị Đặng Thị H1; Giao cho chị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009 cho đến khi con đủ 18 tuổi và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cùng chị H1. Trong thời gian chị H1 ở nước ngoài, tạm giao cả 2 con cho bà nội là bà Tăng Thị N, sinh năm 1971, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh H thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phan Nhật H khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh và chị Đặng Thị H1. Chị H1 hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị H1 tại Hàn Quốc. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình chị H1 cung cấp địa chỉ của chị H1. Gia đình chị H1 xác định chị H1 đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia đình không cung cấp được địa chỉ chị H1 cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình chị H1 chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho chị H1 được biết. Chị H1 không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm

phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh H vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, bà N có quan điểm xin vắng mặt, chị H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H, chị H1 và bà N.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H3 và chị Đặng Thị H1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/11/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H1 chuyển về nhà anh H3 tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương để sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến tháng 9/2017, chị H1 cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) để phát triển kinh tế, sau đó năm 2018 anh H3 cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc). Nhưng qua Đài Loan, cả hai vợ chồng không cư trú cùng nhau, mỗi người ở một nơi nên do khoảng cách xa nên vợ chồng không được gần gũi, quan tâm, chia sẻ với nhau nên tình cảm ngày càng phai nhạt, vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn. Tháng 10/2023, chị H1 chuyển sang làm việc tại Hàn Quốc nên mỗi người ở một quốc gia khác nhau. Trong thời gian này, vợ chồng không thường xuyên liên lạc, chia sẻ và quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân nên tình cảm trở nên xa cách, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay anh chị đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh H3 yêu cầu ly hôn, chị H1 cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H3 và chị H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh H3 được ly hôn chị H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H3 và chị H1 có 02 con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009, hiện nay đều đang ở với bà nội. Khi ly hôn anh H3 đề nghị giao cả 2 cháu cho chị H1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu của anh H3 phù hợp với nguyện vọng của 2 con chung, phù hợp với ý kiến của chị H1, bà N, phù hợp với tình hình thực tế sinh sống ổn định của 2 con nên cần chấp nhận yêu cầu của anh H3, giao cả 2 con chung cho chị H1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H3 cấp dưỡng. Trong thời gian chị H1

ở nước ngoài, tạm giao cả 2 con cho bà nội là bà Tăng Thị N thay chị H1 chăm sóc con chung cho đến khi chị H1 về nước.

Về việc cấp dưỡng, anh H3 và chị H1 tự thoả thuận với nhau, chị H1 tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh H3 phải cấp dưỡng nuôi con, nên cần chấp nhận sự nguyện của chị H1.

Anh Phan Nhật H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Nhật H được ly hôn chị Đặng Thị H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Đặng Trâm A, sinh ngày 07/9/2015 và Phan Nhật Minh H2, sinh ngày 21/10/2009, thời gian từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, chấp nhận sự tự nguyện của chị H1 không yêu cầu anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị H1 ở nước ngoài, tạm giao con chung cho bà Tăng Thị N thay chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H1 về nước.

Anh Phan Nhật H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phan Nhật H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000657 ngày 03/5/2024 (anh H đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bà N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. /.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng Lạc, huyện Thanh Hà (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường